

Vận dụng phương pháp học theo dự án vào giảng dạy truyền thông trong thời đại số

Nguyễn Ngọc Hạnh My

Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

TÓM TẮT

Phương pháp học theo dự án (Project-based learning - PBL) là phương pháp dạy học tiên tiến, chủ động, đặt trọng tâm vào việc tìm hiểu và giải quyết các vấn đề thực tế dựa trên lý thuyết đã được trình bày trong môn học. Tại Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng, ngành Truyền thông đa phương tiện và Quan hệ công chúng là hai ngành học thuộc Khoa Khoa học xã hội, mang tính chất khoa học liên ngành và chú trọng đào tạo kỹ năng, sát với thực tiễn, đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội. Bài báo này sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính như nghiên cứu tài liệu và khảo sát sinh viên nhằm khái quát hóa phương pháp học tập theo dự án, đặc điểm của phương pháp cũng như việc vận dụng nó khảo sát trong hoạt động giảng dạy khoa học truyền thông trong sự biến đổi không ngừng của thời đại số. Tác giả cũng nêu một số gợi ý cho việc giảng dạy lấy người học làm trung tâm. Người dạy cung cấp những kiến thức cốt lõi, tiết giảm tối đa hoạt động thuyết giảng, thay vào đó là phối hợp hướng dẫn, theo dõi sinh viên thực hiện dự án, đa dạng hóa phương thức dạy học.

Từ khóa: phương pháp học theo dự án, truyền thông đa phương tiện, quan hệ công chúng, phương pháp dạy – học

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Báo cáo Phân tích ngành giáo dục Việt Nam đã chỉ ra: Chuyển trọng tâm từ “số lượng” sang “chất lượng” trong phát triển giáo dục, cần tiếp tục nỗ lực đổi mới phương pháp giảng dạy. Các phương pháp giảng dạy tập trung vào phát triển năng lực, sẽ trở thành xu hướng tất yếu. [1] Khi mà người lao động trong thế kỷ 21 cần nhiều kỹ năng tổng hợp (multi – tasking) hơn so với trước đây thì chương trình giáo dục đại học ở Việt Nam cũng phải từng bước chuyển từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực của người học nhằm đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội hiện đại [2]. Với đặc thù ngành truyền thông có những thay đổi chóng mặt vì sự phát triển của thời đại công nghệ số như hiện nay, yêu cầu đào tạo nhân lực ngành này ở bậc cử nhân không chỉ dừng lại ở việc nắm vững kiến thức mà các kỹ năng cũng cần phải thích ứng linh hoạt, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội. Để thực hiện mục tiêu đó, các cơ sở giáo dục đại học cần đổi mới phương pháp giảng dạy cho sinh viên (SV), từ SV tiếp thu

kiến thức thụ động sang SV tự lực, chủ động trong học tập, giảng viên (GV) chỉ là người hỗ trợ, hướng dẫn [2]. Phương pháp dạy học là cách thức hoạt động phối hợp thống nhất của người dạy và người học dưới sự chủ đạo của người dạy nhằm thực hiện tối ưu mục đích và nhiệm vụ dạy học. Phương pháp dạy học ở đại học ngày càng được cải tiến theo hướng tích cực hóa hoạt động nhận thức - học tập của sinh viên [3].

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

2.1. Sự hài lòng của sinh viên là động lực nâng cao chất lượng giáo dục trong trường đại học

Trong môi trường giáo dục đại học, sinh viên là khách hàng chính, trực tiếp sử dụng dịch vụ đào tạo của trường đại học [4]. Theo đó, sự hài lòng của sinh viên là sự đánh giá tổng thể của sinh viên dựa trên cảm nhận của họ về chất lượng dịch vụ đào tạo mà họ nhận được. Chất lượng giảng dạy là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến sự

Tác giả liên hệ: ThS. Nguyễn Ngọc Hạnh My

Email: mynghe@hiu.vn

hài lòng; đồng thời cũng là yếu tố quan trọng nhất để nâng cao sự hài lòng của sinh viên [5]. Các trường đại học có thể cải thiện chất lượng giảng dạy bằng cách nâng cao chất lượng của giảng viên, chuẩn hóa quy trình giảng dạy, tăng cường tài nguyên giảng dạy/học tập, đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng giảng dạy trên lớp và phản hồi một cách kịp thời ý kiến của người học [6].

Từ mong muốn nâng cao chất lượng giảng dạy để đáp ứng sự hài lòng của sinh viên, cụ thể là sinh viên nhóm ngành truyền thông, người dạy luôn tìm kiếm, chọn lựa các phương pháp phù hợp nhất cho các môn học đặc thù. Trong giảng dạy truyền thông, các phương pháp giảng dạy kích thích tương tác thường được ưu tiên. Các phương pháp này cung cấp cho người học không chỉ có kiến thức và lòng trắc ẩn đối với người khác mà còn có thể đưa ra những quyết định hợp lý để phát triển các mô hình suy nghĩ, hành động và giao tiếp [7]. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với khung mục tiêu học tập của UNESCO khi mô tả bốn trụ cột của giáo dục; trong đó khẳng định một trong bốn trụ cột là “học để làm”: (i) học để biết, (ii) học để làm, (iii) học để khẳng định và (iv) học để chung sống, học cách chung sống với người khác. Trước đó, Bloom và cộng sự cũng đã công bố bảng phân loại về các mục tiêu giáo dục phù hợp với quan niệm học để biết và nhấn mạnh “học để làm” [8].

2.2. Cơ sở lý thuyết về phương pháp học theo dự án

Học theo dự án (PBL) là mô hình giáo dục mà người học được xem là trung tâm. Phương pháp này đòi hỏi sinh viên phải chủ động học hỏi, nghiên cứu, nâng cao kiến thức bằng nhiều cách để hoàn thành dự án hoặc đề tài học tập được giáo viên yêu cầu. Đồng thời, kết quả học tập của người học trong quá trình PBL sẽ được đo lường dựa trên kết quả cuối cùng của đề tài hoặc dự án này.

Thuật ngữ “project” (dự án) ra đời ở Ý từ cuối thế kỷ 16 tại các trường đào tạo kiến trúc sư. Sinh viên được yêu cầu thiết kế các công trình kiến trúc và dùng những dự án này làm cơ sở phản biện cho kỳ tốt nghiệp của mình, chứng minh

được khi ra trường, họ có thể thiết kế kiến trúc một cách chính xác và đẹp nhất. Từ thế kỷ 17 đến thế kỷ 19, mô hình đào tạo này càng ngày càng được cải tiến, phát triển mạnh mẽ tại các cơ sở giáo dục đại học ở châu Mỹ [9]. Đến đầu thế kỷ 20, PBL dần được ứng dụng rộng rãi trong các ngành khác nhau, từ công nghệ, kỹ thuật và khoa học xã hội. Nếu phương pháp dạy học truyền thống chỉ xem người dạy là trung tâm, thì PBL đã kết nối lý thuyết với thực tiễn, do vậy phương pháp này đáp ứng được nhu cầu của sinh viên và của xã hội. Các nhà giáo dục cũng đồng ý với quan điểm rằng PBL là phương pháp dạy học vô cùng quan trọng, đồng thời phát triển “một cơ sở lý luận gọi là Phương pháp dạy học Dự án” (The Project Method) [10].

Với sự phát triển của khoa học giáo dục, phương pháp học tập dự án đã được triển khai cho nhiều ngành khác nhau. Có nhiều định nghĩa về phương pháp này. Bell (2010), cho rằng PBL là một phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm. Dưới sự giám sát, hướng dẫn của giáo viên, người học đặt câu hỏi, tiến hành quá trình nghiên cứu [11]. Theo Thomas (2000), PBL là một mô hình tổ chức việc học tập xung quanh các dự án là các nhiệm vụ phức tạp, dựa trên các câu hỏi hoặc vấn đề khó khăn, liên quan đến người học trong các hoạt động thiết kế, giải quyết vấn đề, ra quyết định hoặc tiến hành điều tra. Người học được tự chủ kiểm soát thời gian và đưa ra kết quả là các sản phẩm cụ thể [12]. Lê Khoa (2015) cho rằng PBL là một phương pháp dạy học mà người học, dưới sự hướng dẫn của giáo viên, tự lực giải quyết một nhiệm vụ học tập phức hợp, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, với hình thức làm việc chủ yếu là theo nhóm. Các nhóm tự xác định mục tiêu, lập kế hoạch và thực hiện dự án, tham gia kiểm tra quá trình thực hiện và đánh giá kết quả. Kết quả là các sản phẩm có thể giới thiệu, trình bày [13]. Trịnh Văn Biều và các cộng sự (2011) cho rằng đây là hình thức/phương pháp dạy học phức hợp, trong đó người học tiếp thu kiến thức và hình thành kỹ năng thông qua việc giải quyết một bài tập tình huống (dự án) có thật trong đời sống, theo sát chương

trình học, có sự kết hợp giữa lý thuyết với thực hành và tạo ra các sản phẩm cụ thể dưới sự hướng dẫn của giáo viên [14]. Theo Nguyễn Thị Diệu Thảo (2009), PBL là một hình thức tổ chức dạy học, trong đó người học dưới sự chỉ đạo của giáo viên thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp mang tính thực tiễn với hình thức làm việc nhóm là chủ yếu. Nhiệm vụ này được thực hiện với tính tự lực cao trong toàn bộ quá trình học tập, tạo ra những sản phẩm có thể trình bày, giới thiệu [15].

Với phương pháp học này, đối với các ngành khoa học thiên về kỹ năng như Truyền thông đa phương tiện và Quan hệ công chúng, người học sẽ phải làm việc theo nhóm và khám phá những vấn đề gắn liền với nội dung thực tiễn truyền thông của doanh nghiệp, sử dụng kiến thức của môn học và sự hướng dẫn của giảng viên, thực hành xây dựng, giải quyết dự án và chia sẻ những gì họ đã làm được trong dự án của mình trong lớp học. Nó cho phép sinh viên "độc lập, hợp tác và khám phá". Đây là một phương pháp mới trong học tập mà người học không chỉ tiếp nhận một cách thụ động kiến thức như phương pháp dạy học truyền thống. Điều này có ý nghĩa tích cực trong việc cải thiện khả năng lĩnh hội tri thức của sinh viên.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Mô hình khảo sát

Với trọng tâm là đánh giá hiệu quả khi triển khai

PBL, tác giả đã tiến hành khảo sát 44 sinh viên thuộc hai lớp XH21DH-NV1 và XH21DH-NV2 ngành Truyền thông Đa phương tiện, Trường ĐH Quốc tế Hồng Bàng. Đặc điểm của đối tượng được khảo sát là tất cả người được hỏi đã được triển khai phương pháp PBL trong học phần *Tổ chức sự kiện* triển khai trong thời gian 2 tháng vào học kỳ II năm học 2023 – 2024. Lý do lựa chọn học phần này để khảo sát là bởi *Tổ chức sự kiện* là học phần thiên về thực hành, xây dựng kỹ năng truyền thông tổng hợp, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác tổ chức sự kiện như: quy trình tổ chức, các yếu tố ảnh hưởng đến công tác tổ chức sự kiện; công tác lập kế hoạch, triển khai, giám sát, xử lý tình huống trong quá trình tổ chức một số sự kiện phổ biến trong thực tế. Vì vậy, học phần này không chỉ yêu cầu những kỹ năng chuyên môn cụ thể, mà còn đòi hỏi cả những kỹ năng xã hội - hành vi như kỹ năng giải quyết vấn đề, giao tiếp, khả năng làm việc độc lập, kỹ năng làm việc tập thể. Do đó kết quả khảo sát sinh viên tại học phần này về PBL là những trải nghiệm thực tế chân thật và khách quan nhất.

Với câu hỏi so sánh với phương pháp truyền thống PS - Problem – Solution - tức phương pháp đặt vấn đề (nhận chủ đề thuyết trình) và giải quyết vấn đề (trình bày) thuần túy và phương pháp học theo dự án. Kết quả khảo sát cho thấy 95.5% sinh viên thích phương pháp học theo dự án.

Bạn có thích học theo mô hình dự án PBL này so với mô hình PS (GV giao đề tài để thuyết trình trên lớp) không?

44 responses



Hình 1. Đánh giá mức độ yêu thích với phương pháp PBL

Kết quả khảo sát hiệu quả của việc vận dụng phương pháp học theo dự án nhằm đánh giá mức

độ khả thi khi vận dụng phương pháp này vào môn học cụ thể. Kết quả thu được trong bảng dưới đây:

Bảng 1. Kết quả khảo sát sinh viên về ưu điểm phương pháp PBL

Các ưu điểm của phương pháp	Số lượng ý kiến trả lời
Tăng cường tinh thần tập thể, làm việc nhóm	37 (84.1%)
Hứng thú, vui vẻ	27 (61.4%)
Phát triển khả năng sáng tạo	39 (88.6%)
Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề	44 (100%)
Phát triển kỹ năng tư duy	34 (77.3%)
Tăng cường khả năng giao tiếp	36 (81.8%)
Phát triển kỹ năng sử dụng công nghệ, kỹ thuật	33 (75%)

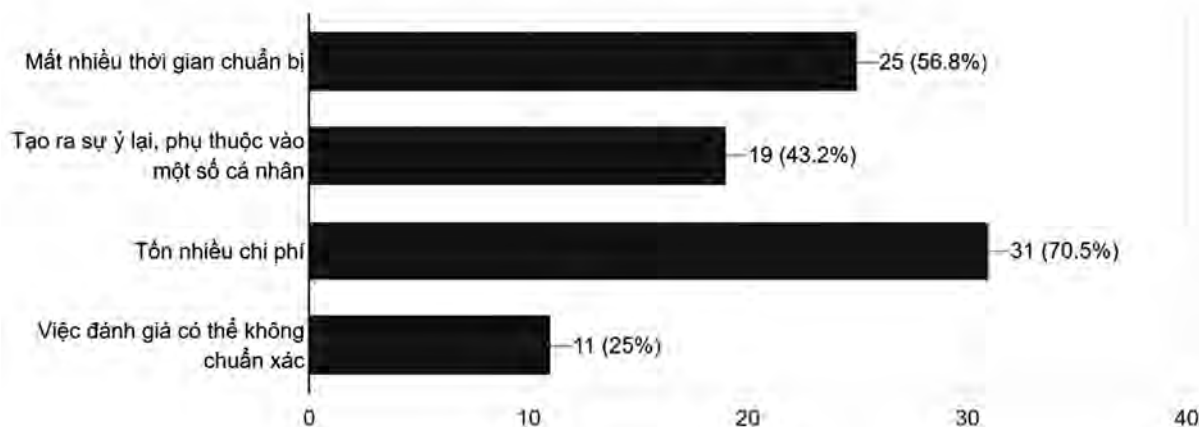
Kết quả ghi nhận ý kiến cho thấy việc triển khai môn học theo phương pháp PBL mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho sinh viên trong việc học. Tất cả 100% sinh viên cho rằng phương pháp này sẽ giúp phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề khi mỗi dự án đều có những đặc thù khác nhau buộc sinh viên phải luôn tăng cường tinh thần làm việc tập thể. Vì thế, 84,1% sinh viên đề cao sự phối hợp với nhau giữa các thành viên nên khả năng làm việc nhóm cũng tăng lên vượt trội khi học theo phương pháp này. Sự sáng tạo khi tham gia môn học (39/44 người đồng ý) và tăng cường kỹ năng giao tiếp (36/44 người đồng ý) là

những yếu tố được sinh viên đánh giá cao. Điều này phản ánh việc người học được thực hành dự án truyền thông theo từng chủ đề khiến sinh viên cảm thấy hứng thú và do đó, tham gia nhiệt tình hơn. Phương pháp này hiệu quả hơn phương pháp truyền thống vì nó tạo ra nhiều khả năng, cơ hội để mỗi sinh viên có thể lựa chọn các chủ đề học tập học phù hợp với khả năng của mình.

Bên cạnh đó, khảo sát cũng tiến hành đánh giá những nhược điểm khi triển khai phương pháp học tập theo dự án đánh giá ở góc độ người học.

Nhược điểm của mô hình học theo dự án này theo em là gì?

44 responses



Hình 2. Kết quả khảo sát sinh viên về nhược điểm phương pháp PBL

Kết quả cho thấy sinh viên cho rằng phương pháp này mất nhiều chi phí và thời gian để đầu tư cho một dự án, và đây được xem là điểm yếu lớn nhất của PBL, chiếm lần lượt 70.5% và 56.8% người trả lời. Một vấn đề khác sinh viên cũng quan tâm đó là dễ tạo ra sự yếm lại ở một số cá nhân khi một dự án đòi hỏi tinh thần tập thể (43.2%) và 25% người trả lời cho rằng việc đánh

giá thành viên trong một giai đoạn dài của dự án có thể không chuẩn xác.

Câu hỏi đánh giá mức độ sẵn sàng lựa chọn phương pháp học theo dự án của sinh viên thu được kết quả vượt trội khi 95.5% sinh viên được hỏi đều đồng ý chọn học theo phương pháp PBL.

Nếu được học lại, em sẽ vẫn chọn học theo phương pháp thực hành sinh động của mô hình PBL này chứ?

44 responses



Hình 3. Mức độ sẵn sàng lựa chọn phương pháp học theo dự án của sinh viên

Kết quả này cho thấy ưu điểm của phương pháp PBL vượt trên những nhược điểm của nó, sinh viên sẵn sàng đầu tư nhiều thời gian hơn cho việc chuẩn bị dự án của họ. Bởi lẽ cốt lõi của phương pháp này là lấy sinh viên là trung tâm. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên tự lựa chọn một vấn đề, lập kế hoạch giải quyết vấn đề đó với nhóm của mình. Kết quả là các dự án theo sát chương trình học, có sự kết hợp giữa lý thuyết với thực hành và tạo ra các sản phẩm cụ thể.

3.2. Bài học khi vận dụng phương pháp học theo dự án vào thực tế đào tạo sinh viên nhóm ngành Truyền thông

Thông qua mô hình khảo sát sinh viên và quan sát, tổng hợp trong quá trình triển khai phương pháp Học theo dự án (PBL) này, tác giả có những kiến giải khi vận dụng phương pháp này vào thực tế đào tạo sinh viên nhóm ngành truyền thông như sau:

Tính trung tâm

Học tập theo dự án nhấn mạnh sinh viên là chủ thể chính. Trong quá trình thực hiện dự án, sinh viên thay đổi từ vị trí người tiếp nhận kiến thức thụ

động sang chủ thể xây dựng kiến thức. Sinh viên chủ động và tích cực trao đổi với các thành viên khác, cho thành viên khác thấy được những kết quả đóng góp và vai trò nhất định của bản thân mình trong dự án.

Động lực thúc đẩy

Việc triển khai phương pháp học theo dự án làm thúc đẩy động cơ học tập của sinh viên ngành truyền thông, kết quả khảo sát đa số sinh viên có thái độ tích cực hơn đối với việc học tập, thích chia sẻ ý tưởng và thảo luận nhóm nhiều hơn, phát huy tính tự giác, phát triển các kỹ năng mềm.

Tính kiến tạo

Học tập theo dự án là học tập dựa trên các khái niệm khoa học, các kiến thức và kỹ năng cơ bản. Nội dung và mục tiêu học tập phù hợp với các yêu cầu của chương trình giảng dạy mới, nhấn mạnh chiều sâu của kiến thức và sự hiểu biết các khái niệm và nguyên tắc cốt lõi. Chính vì vậy, phương pháp này giúp kiến tạo những nội dung mới mẻ hơn được rút ra sau mỗi dự án.

Năng lực tự chủ trong học tập

Điểm khởi đầu của học tập theo dự án là các vấn

đề và sự quan tâm của người học để giải quyết các vấn đề thực tế thông qua học tập và vận dụng các kiến thức hiện có, từ đó nắm vững việc trau dồi kiến thức mới và kỹ năng mới. Mục tiêu cuối cùng là trau dồi các kỹ năng tổng hợp như khả năng lựa chọn, ra quyết định, bảo vệ ý kiến cá nhân và khả năng cộng tác, làm việc theo nhóm. Đó chính là xây dựng năng lực tự chủ trong học tập cho sinh viên.

Tính hiện thực

Học tập theo dự án được thực hiện theo từng nhóm nhỏ, từ việc lập kế hoạch dự án đến thực hiện. Tài nguyên dự án có thể có thể được thông qua internet, sách giáo khoa, tạp chí, cơ sở dữ liệu môn

học, các hoạt động thực nghiệm... Quá trình thực hiện dự án có thể được triển khai bằng cách dựa trên nền tảng hệ thống mạng, công nghệ đa phương tiện, giảng dạy trong lớp, các hoạt động thực tế và các hoạt động khác. Sự hợp tác, đa dạng của các loại hình tạo ra một môi trường học tập năng động, cởi mở và đầy tính hiện thực khách quan, có thể triển khai linh động phù hợp với đặc thù từng.

Tác giả tiếp tục đối sánh phương pháp học tập theo dự án trong một mô hình bao quát hơn là tháp học tập (Learning Pyramid) hay còn được biết đến với tên gọi “Cone of Experience” (hình nón kinh nghiệm) của nhà giáo dục người Mỹ Edgar Dale vào năm 1940.



Hình 4. Tháp học tập (Learning Pyramid)

Mô hình này thể hiện sự đa dạng của các phương pháp học tập tương ứng với khả năng tiếp thu của người học, có thể thấy phương pháp học tập theo dự án thuộc nhóm Học tập chủ động (Active Learning) tại tầng “Thực hành” (Practice Doing). Theo đó, quá trình học tập đặt trọng điểm vào việc thực hiện các hoạt động và bài tập thực tế. Với những giá trị đạt được như tính trung tâm của người học, là động lực thúc đẩy để sinh viên kiến

tạo và tự chủ trong học tập phù hợp với tính hiện thực của thực tế lúc triển khai dự án..của phương pháp học tập theo dự án, người học chủ động áp dụng kiến thức vào các tình huống thực tế, tạo ra một kết nối mạnh mẽ và ghi nhớ lâu dài. Bằng cách thực hiện các dự án cụ thể, sinh viên có cơ hội áp dụng những kiến thức và kỹ năng đã học vào thực tế, giúp củng cố và ghi nhớ thông tin một cách chắc chắn hơn.

4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã tóm tắt lý thuyết tổng quan phương pháp PBL và khảo sát nhằm đánh giá toàn diện quá trình triển khai áp dụng phương pháp này trong giảng dạy các ngành học thuộc nhóm ngành Truyền thông.

Phương pháp giúp ngành học cập nhật những vấn đề thực tiễn của đời sống xã hội với những xu hướng mới, cách giải quyết mới theo nhu cầu thay đổi nhanh chóng của công chúng. Tuy nhiên, muốn đạt hiệu quả thì cần được triển khai bài bản và có sự phối hợp chặt chẽ giữa giảng viên và sinh viên để không những giúp sinh viên nắm vững kiến thức, linh hoạt áp dụng vào dự án mà còn không gây quá nhiều khó khăn, áp lực cho sinh viên khi tổ chức. So với các phương pháp dạy học truyền thống, vai trò của giáo viên trong hoạt động dự án có sự thay đổi. Người dạy chỉ đóng vai trò người hướng dẫn, người trợ giúp người học trong suốt các hoạt động dự án. Vì vậy, để nâng cao chất lượng dạy học theo dự án, bên

cạnh việc phân tích chương trình, lựa chọn nội dung phù hợp, người dạy cần phải nâng cao kỹ năng thiết kế và tổ chức dạy học, kỹ năng khai thác và sử dụng công nghệ thông tin, khả năng nghiên cứu vấn đề để xử lý linh hoạt theo mục tiêu từng dự án.

Nghiên cứu đã chỉ ra phương pháp PBL chứng minh được khả năng vận dụng để kết nối giữa lý thuyết nền tảng của truyền thông đến phát huy khả năng giải quyết vấn đề và tự rút ra bài học áp dụng trong thực tiễn sinh động cuộc sống. Nghiên cứu chỉ ra được giá trị thực tiễn khi vận dụng phương pháp học tập theo dự án vào giảng dạy ngành truyền thông nhưng chưa đi sâu vào phân tích các yếu tố tác động ảnh hưởng đến phương pháp này như thái độ hoặc kỹ năng học tập của sinh viên hay phương pháp triển khai dự án của giảng viên... Hy vọng ở nghiên cứu tiếp theo sẽ giải quyết các chủ đề trên nhằm đánh giá sự tác động của các yếu tố cụ thể đến hiệu quả triển khai phương thức học tập theo dự án.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ministry of Education and Training, Education Sector Analysis Final Report, Ha Noi, 2017.
- [2] Đ. X. Hải và N. S. Thư. *Quản lý giáo dục, quản lý nhà trường trong bối cảnh thay đổi*. Hà Nội: Nxb Giáo dục Việt Nam, 2012.
- [3] Đ. T. M. Trang, Đ. M. Cường và Đ. T. H. Dung, "Phát triển "phương thức học sâu" cho sinh viên thông qua dạy học theo dự án tại Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TPHCM", *Tạp chí Giáo dục*, 10, 13-17, 2022.
- [4] Senthilkumar N. & Arulraj A., Role of Placement in Determination of Service Quality Measurement of Higher Education in India, *International Journal of Management Research and Technology*, Vol. 3, No. 1, pp. 293-307, 2009.
- [5] Leblanc, G. and Nguyen, N., "Listening to the customer's voice: Examining perceived service value among business college students", *The International Journal of Educational Management*, 13(4), 187-198, 1999.
- [6] Gu & Lu, *Factors influencing the satisfaction level of college students in China: Literature analysis based on grounded theory*, Front. Psychol., Sec. Educational Psychology, 2023.
- [7] Madona Giorgdze, Marine Dgebuadze, *Interactive teaching methods: Challenges and perspectives*, <http://ijaedu.ocerintjournals.org/en/download/article-file/390165>, 2017
- [8] P. T. M. Hạnh, *Dạy học dự án kết hợp doanh nghiệp trong chương trình quản trị chuỗi cung ứng ở trường đại học Việt Nam*, Conference: The Organizing Committee of the National Scientific Conference, Theme: "Higher Education in the Context of Internationalization", Ho Chi Minh City, 2023
- [9] O'Brien, M., "What is Project Based Learning?", *Defined STEM*, (1), 1-5, 2017.
- [10] Hulshult, A. R., "Student Group Satisfaction Perceptions Using Agile in a Project-Based Course", *Information Systems Education Journal*, 19(5), 4-9, 2021.
- [11] S. Bell, "Project-based learning for the 21st century: Skills for the future", *The Clearing House*, 83(2), 39-43, 2010.
- [12] Thomas, J.W, *A review of research on*

projectbased learning, Autodesk Foundation, http://www.bobpearlman.org/BestPractices/PBL_Research.pdf, 2010.

[13] L. Khoa, *Vận dụng phương pháp dạy học theo dự án trong dạy học kiến thức về sản xuất và sử dụng điện năng cho học sinh Trung học phổ thông*, Luận án tiến sĩ Khoa học Giáo dục, Đại học Thái Nguyên, 2015.

[14] T. V. Biều, P. Đ. C. Thủy và T. L. H. Phương, “Dạy học theo dự án - từ lý luận đến thực tiễn”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP.HCM*, số 28, 2011.

[15] N. T. D. Thảo, *Dạy học theo dự án và vận dụng trong đào tạo giáo viên Trung học cơ sở môn công nghệ*, Luận án Tiến sĩ giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2009.

Applying project-based learning method to teaching media in the digital age

Nguyen Ngoc Hanh My

ABSTRACT

Project-based learning (PBL) is an advanced, proactive teaching and learning method that focuses on understanding and solving practical problems based on the theory presented in the subject. At Hong Bang International University, multimedia communication and public relations are two majors of the Faculty of Social Sciences, which are interdisciplinary in nature and focus on training skills, close to reality, and meeting the human resource needs of society. This article uses qualitative research method such as document research and student survey to generalize the project-based learning method, the characteristics of the method as well as its application to survey in communication science teaching activities in the constantly changing world of digital age. The author also gives some suggestions for student-centered teaching. The teacher provides core knowledge, minimizes lecturing activities, and instead coordinates instruction and monitors students' implementation of projects, diversifying teaching methods.

Keywords: *PBL, project-based learning, multimedia communication, public relations, teaching and learning method*

Received: 22/07/2024

Revised: 18/11/2024

Accepted for publication: 20/11/2024